



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH



ĐẠI HỌC  
HÒA BÌNH

## MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 665/QĐ-ĐHQB ngày 25 tháng 07 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)*

- Tên chương trình** : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  
**Trình độ đào tạo** : Đại học  
**Ngành đào tạo** : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  
**Mã ngành đào tạo** : 7810103  
**Loại hình đào tạo** : Chính quy

HÀ NỘI, 2024



Số: 665 /QĐ-ĐHQB

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Chương trình đào tạo  
ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  
trình độ đại học hệ chính quy năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH**

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 28/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 16/2024/QĐ-HĐT ngày 28/5/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐT ngày 01/10/2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 19/7/2024 về việc Thông qua chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo điều chỉnh từ năm 2024 trở đi;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo (kèm theo bản mô tả chương trình đào tạo và bộ đề cương chi tiết học phần) theo hệ thống tín chỉ ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trình độ đại học chính quy năm 2024, mã số 7810103.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa K17 tuyển sinh năm 2024 trở đi.

**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trường khoa Du Lịch, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT HĐT (để b/c);
- Các Phó HT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
NGND, PGS, TS. Tô Ngọc Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH



ĐẠI HỌC  
HÒA BÌNH

**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 665/QĐ-ĐHNB ngày 25 tháng 07 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)*

**Tên chương trình** : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  
**Trình độ đào tạo** : Đại học  
**Ngành đào tạo** : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  
**Mã ngành đào tạo** : 7810103  
**Loại hình đào tạo** : Chính quy

HÀ NỘI, 2024





## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung.....	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình.....	4
2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của trường Đại học Hòa Bình.....	8
2.2.1. Tầm nhìn.....	8
2.2.2. Sứ mạng.....	8
2.2.3. Giá trị cốt lõi.....	8
2.3. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Du lịch.....	8
2.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	9
2.4.1. Mục tiêu chung.....	9
2.4.2. Mục tiêu cụ thể.....	9
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	9
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP.....	12
6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	14
6.2. Danh sách học phần.....	15
6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT.....	18
6.4. Kế hoạch dạy học.....	22
6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập.....	25
6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá.....	25
6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo.....	26
7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN.....	27
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	36
8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:.....	36
8.2 Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:.....	36
8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường.....	37
8.4. Trách nhiệm của giảng viên/CVHT, sinh viên.....	37



# 1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình Đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được phát triển nhằm đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; có kiến thức và chuyên môn vững vàng, Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ đào tạo theo chuẩn quốc gia và khu vực; Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo và năng lực giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức, quản lý, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; Thích nghi với môi trường làm việc; Có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển của khoa học - công nghệ và hội nhập quốc tế.

## 1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tên tiếng Việt: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
  - + Tên tiếng Anh: Tourism and Hospitality Management
- Mã ngành đào tạo: 7810103
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân
  - + Tiếng Anh: Bachelor
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Đại học Hoà Bình, và các trường Đại học đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Hoà Bình
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
  - + Đối tượng tuyển sinh: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
    - Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
  - + Phương thức tuyển sinh:
    - Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024
    - Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập THPT (xét học bạ), kết quả tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học cùng nhóm ngành đào tạo.
    - Phương thức 3: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của các đại học hoặc các trường đại học khác
    - Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chuẩn đầu vào:
  - Phương thức 1: Nhà trường sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024



Phương thức 2: Tổng điểm trung bình cộng hai học kỳ lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của ba môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 15.0 điểm trở lên; Tổng điểm lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 15.0 điểm trở lên; điểm trung bình cộng năm lớp 12 đạt 5.0 trở lên; tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại trung bình trở lên và điểm trung bình cộng năm lớp 12 đạt 5.0 trở lên

- Điều kiện tốt nghiệp:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

## 2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình

Triết lý giáo dục đó của trường Đại học Hòa Bình là Chất lượng, Hội nhập, Sáng tạo được chuyển tải một cách cụ thể vào chương trình đào tạo và được thể hiện ở Bảng....

**Bảng 1: Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình được chuyển tải vào chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình		
			Chất lượng	Hội nhập	Sáng tạo
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	<i>Bao gồm 15 học phần về Triết học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng CSVN, Khoa học xã hội, toán, tiếng anh, tin học, kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội, quản trị học. Nhóm kiến thức này giúp sinh viên hiểu trách nhiệm dân sự và trách nhiệm đối với xã hội, kiến thức về tư duy, nâng cao kỹ năng Tiếng Anh và tin học cũng như các kiến thức về lịch sử văn minh thế giới, cơ sở văn hoá Việt Nam.</i>	x		
	Khối kiến thức cơ sở ngành	<i>bao gồm 6 học phần về những kiến thức cơ bản như Tổng quan du lịch, Quản trị nguồn nhân lực du lịch, Quản trị sự kiện, Văn hoá ẩm thực, Thực tập 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng đầy đủ về kinh tế du lịch và các kiến thức nền cơ</i>	x		



		<i>bản để theo đuổi các học phần cấp cao hơn.</i>			
	Khối kiến thức ngành	<i>bao gồm 14 học phần bắt buộc và chọn 3/4 học phần tự chọn. Nhóm kiến thức này cung cấp các kiến thức liên quan đến các đến các hoạt động của ngành khách sạn.</i>	X	X	
	Kiến thức ngành chuyên sâu	<i>bao gồm 6 học phần bắt buộc thuộc ngành quản trị khách sạn và 2/4 học phần tự chọn, cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh doanh khách sạn và hiểu thêm về kinh doanh lễ hành</i>	X	X	
	Kiến thức thực tập, tốt nghiệp	<i>sinh viên được đi thực tập tại các công ty lễ hành, khách sạn; tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng những gì học đã được học để giải quyết các vấn đề thực tế tại các cơ sở kiến thực tập trong lĩnh vực lễ hành, khách sạn.</i>		X	X
	Kiến thức không tích lũy	<i>bao gồm các học phần giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và các môn kỹ năng mềm. Sinh viên rèn luyện thể chất, cung cấp các kiến thức về quốc phòng, biết cách tư duy và giải quyết mọi vấn đề phát sinh một cách hiệu quả để có thể thích ứng với môi trường kinh doanh biến động.</i>	X		
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		X		X
	Sinh viên khởi nghiệp			X	X
Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	PLO1.1	Vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi các ứng xử hàng ngày, Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Điền hình C1 bao gồm các môn học thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị	X		
	PLO1.2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật của Nhà nước tin	X		



	học, ngoại ngữ trong thực tế hoạt động chuyên môn, hoạt động nghề nghiệp và phát triển năng lực cá nhân-cơ sở tăng cơ hội việc làm cho sinh viên. Điền hình C2 bao gồm các môn học khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, tin học, thực hành, thực tập khóa luận tốt nghiệp.			
PLO1.3	Vận dụng các kiến thức về ngành, chuyên ngành, khối ngành (về kiến thức, kỹ năng, quy định pháp luật) trong các lĩnh vực: phân tích được động cơ và tâm lý tiêu dùng của khách du lịch, thực hiện được các chuyên môn liên quan đến hoạt động kinh doanh lưu trú như Lễ tân, nghiệp vụ buồng, bar,nhà hàng...,xây dựng quy trình, điều hành và phân tích kết quả các hoạt động theo vị trí việc làm tại các bộ phận kinh doanh lưu trú, giám sát và quản lí các hoạt động bộ phận theo vị trí việc làm tại các bộ phận. Phân tích đánh giá và bước đầu xây dựng chiến lược chính sách phát triển cơ sở lưu trú.	x		
PLO1.4	Áp dụng kiến thức để sử dụng được các kĩ thuật, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ hiện đại cần thiết để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong doanh nghiệp lưu trú. Thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp.		x	
PLO2.1	Hình thành kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Quản trị khách sạn trong những bối cảnh khác nhau		x	x
PLO2.2	Vận dụng kỹ năng lập luận tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.		x	x
PLO2.3	Vận dụng kỹ năng đáp ứng được yêu cầu quản lý trong ngành dịch vụ lưu trú.		x	
PLO2.4	Thể hiện năng lực ngoại ngữ - tin học, Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh và tin	x	x	

	học để giao tiếp và giải quyết các công việc chuyên môn.			
PLO2.5	<p>Kỹ năng hỗ trợ</p> <p>- Hình thành kỹ năng các nhân trong làm việc độc lập, tự học hỏi, tìm tòi, quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân, có năng lực định hướng về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo, năng động, sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về kỹ thuật, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, có năng lực đáng giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình</p> <p>-Kỹ năng làm việc nhóm: có khả năng hình thành, vận hành, phát triển nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau để giải quyết công việc thuộc ngành và chuyên ngành được đào tạo</p> <p>- Kỹ năng quản lý: có khả năng tự quản lý công việc và quản lý nhóm làm việc có hiệu quả</p> <p>- Kỹ năng giao tiếp - thuyết trình: có khả năng giao tiếp, thuyết trình tốt trong xã hội và chuyên môn nghề nghiệp dưới các hình thức nói, văn bản, điện thoại, Email....</p>		X	X
PLO3.1	<p>Thái độ làm việc, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm</p> <p>Hình thành đầy đủ các phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức xã hội: sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, đáng tin cậy, tuân thủ các nguyên tắc, hành vi chuyên nghiệp, có ý thức kỷ luật, lao động tự tin, can đảm, trung thành, công nhận thành quả của người khác, không ngừng học tập để nâng cao</p>		X	X



	trình độ. Có kỹ năng tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường công tác, có khả năng chịu được áp lực công việc. Có ý thức cộng đồng, tinh thần hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, tham gia công tác xã hội, đoàn thể, có kỹ năng giao tiếp tốt.			
PLO3.2	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp Với kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hành được đào tạo trong quá trình học tại trường ĐHHB, sau khi tốt nghiệp các cử nhân đại học ngành Quản trị khách sạn có thể đảm nhận được các vị trí công việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, giảng viên, chuyên viên nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú.		x	x

## 2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của trường Đại học Hòa Bình

### 2.2.1. Tầm nhìn

Đến năm 2045 trở thành một Đại học đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu của Việt Nam, có thứ hạng cao trong hệ thống giáo dục Đại học Khu vực và Toàn cầu, là Trung tâm xuất sắc về đào tạo Công nghệ cao, Khoa học sức khỏe, Kinh tế số, phát triển bền vững, là trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín Trong nước và Quốc tế.

### 2.2.2. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có nền tảng kiến thức vững chắc, có năng lực đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc Toàn cầu, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và toàn Nhân loại, góp phần xây dựng Việt Nam phồn vinh, đậm đà bản sắc Dân tộc.

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các lĩnh vực khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất Nước.

Mở rộng hợp tác Quốc tế với các trường Đại học hàng đầu của Thế giới và Khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển Kinh tế Xã hội của Đất nước và Quốc tế.

### 2.2.3. Giá trị cốt lõi

Giáo dục đào tạo để phát triển toàn diện con người trong kỷ nguyên số.

## 2.3. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Du lịch

Ngay từ những ngày thành lập, Khoa Du lịch Trường Đại học Hòa Bình luôn phấn đấu trở thành đơn vị có uy tín, có thương hiệu trong lĩnh vực đào tạo 2 ngành: Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành, Quản trị khách sạn theo định hướng thực hành và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, vững chuyên môn, giỏi ngoại ngữ cho các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn nói riêng và các công ty thuộc nhiều lĩnh vực nói chung.

## 2.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 2.4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Khách sạn tại Khoa Du lịch, Trường Đại học Hòa Bình cam kết cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, trong môi trường học tập sáng tạo và năng động. Chúng tôi kỳ vọng sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có kiến thức vững chắc, kỹ năng chuyên nghiệp, thái độ và đạo đức nghề nghiệp cao, khả năng thích nghi và học tập suốt đời, và khả năng đóng góp tích cực cho xã hội và cộng đồng. Chương trình cũng hỗ trợ phát triển nghề nghiệp, giúp sinh viên tự tin và sẵn sàng cho thị trường lao động trong ngành khách sạn.

### 2.4.2. Mục tiêu cụ thể

#### Về kiến thức

PO1. Có kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở của ngành đào tạo và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

PO2. Có các kiến thức cơ sở, kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn sâu của ngành khách sạn; các kiến thức về các kỹ năng nghề nghiệp và tư duy sáng tạo trong môi trường kinh doanh khách sạn;

PO3. Có các kỹ năng liên cá nhân: giao tiếp, làm việc nhóm để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia và hội nhập quốc tế; hội nhập quốc tế;

PO4. Có hiểu biết kinh tế và các vấn đề đương đại liên quan ngành du lịch khách sạn để đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

#### Về kỹ năng

PO5. Có kỹ năng cứng (kiến thức và thực hành có tính chất kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp) và kỹ năng mềm (khả năng hòa nhập, tương tác với xã hội, cộng đồng tập thể), Có khả năng sử dụng tiếng Anh và ứng dụng công nghệ thông tin theo mục chuẩn của Bộ GD & ĐT để đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn trong điều kiện nền kinh tế hội nhập.

PO6. Có tư duy độc lập, năng lực tự đào tạo, đổi mới, trải nghiệm nâng cao trình độ, nhạy bén thích ứng với môi trường làm việc hiện đại và năng động trong lĩnh vực du lịch và lữ hành.

#### Về thái độ

PO7. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, cần cù, cẩn trọng và trách nhiệm đối với xã hội và công việc đảm nhiệm.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
<b>Kiến thức (PLO1)</b>		
PLO1.1	Vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi các ứng xử hàng ngày, Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa	<b>K1, K2</b>



	học trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Điển hình C1 bao gồm các môn học thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị	
PLO1.2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật của Nhà nước tin học, ngoại ngữ trong thực tế hoạt động chuyên môn, hoạt động nghề nghiệp và phát triển năng lực cá nhân-cơ sở tăng cơ hội việc làm cho sinh viên. Điển hình C2 bao gồm các môn học khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, tin học, thực hành, thực tập khóa luận tốt nghiệp.	<b>K1, K2</b>
PLO1.3	Vận dụng các kiến thức về ngành, chuyên ngành, khối ngành (về kiến thức, kỹ năng, quy định pháp luật) trong các lĩnh vực: phân tích được động cơ và tâm lý tiêu dùng của khách du lịch, thực hiện được các chuyên môn liên quan đến hoạt động kinh doanh lưu trú như Lễ tân, nghiệp vụ buồng, bar,nhà hàng...,xây dựng quy trình, điều hành và phân tích kết quả các hoạt động theo vị trí việc làm tại các bộ phận kinh doanh lưu trú, giám sát và quản lí các hoạt động bộ phận theo vị trí việc làm tại các bộ phận. Phân tích đánh giá và bước đầu xây dựng chiến lược chính sách phát triển cơ sở lưu trú.	<b>K1, K2, K3, K4</b>
PLO1.4	Áp dụng kiến thức để sử dụng được các kĩ thuật, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ hiện đại cần thiết để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong doanh nghiệp lưu trú. Thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp.	<b>K3, K4, K5</b>
Kỹ năng (PLO2)		
PLO2.1	Hình thành kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Quản trị khách sạn trong những bối cảnh khác nhau	<b>S1, S2</b>
PLO2.2	Vận dụng kỹ năng lập luận tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.	<b>S2, S3</b>
PLO2.3	Vận dụng kỹ năng đáp ứng được yêu cầu quản lý trong ngành dịch vụ lưu trú.	<b>S2, S3, S4</b>
PLO2.4	Thể hiện năng lực ngoại ngữ - tin học và kỹ năng sử dụng tiếng Anh và tin học để giao tiếp và giải quyết các công việc chuyên môn.	<b>S3, S4</b>
PLO2.5	Kỹ năng bổ trợ - Hình thành kỹ năng cá nhân trong làm việc độc lập, tự học hỏi,tìm tòi, quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân, có năng lực định hướng về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo, năng động, sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề	<b>S3, S4, S5</b>

	<p>phức tạp,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thiết kế hoạt động nhóm và vận hành, phát triển nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau để giải quyết công việc thuộc ngành và chuyên ngành được đào tạo</li> <li>-Hình thành kỹ năng tự quản lý công việc và quản lý nhóm làm việc có hiệu quả</li> <li>- Hình thành Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt trong hoạt động xã hội và chuyên môn nghề nghiệp dưới các hình thức nói, văn bản, điện thoại, Email....</li> </ul>	
Mức tự chủ và trách nhiệm(PLO3)		
PLO3.1	<p>Thái độ làm việc, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm</p> <p>Hình thành đầy đủ các phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức xã hội: sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, đáng tin cậy, tuân thủ các nguyên tắc, hành vi chuyên nghiệp, có ý thức kỷ luật, lao động tự tin, can đảm, trung thành, công nhận thành quả của người khác, không ngừng học tập để nâng cao trình độ. Có kỹ năng tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường công tác, có khả năng chịu được áp lực công việc. Có ý thức cộng đồng, tinh thần hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, tham gia công tác xã hội, đoàn thể, có kỹ năng giao tiếp tốt.</p>	<b>A1, A2, A3, A4</b>
PLO3.2	<p>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</p> <p>Với kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hành được đào tạo trong quá trình học tại trường ĐHHB, sau khi tốt nghiệp các cử nhân đại học ngành Quản trị khách sạn có thể đảm nhận được các vị trí công việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, giảng viên, chuyên viên nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú.</p>	<b>A1, A2, A3, A4</b>

**Ghi chú:** Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

*Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);*

*Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;*

*Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hỏi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);*



Bảng 2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo (POs)	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO										
	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2
PO1	x	x	x								
PO2	x	x	x	x							
PO3				x	x						
PO4				x	x	x		x			
PO5						x	x	x	x		x
PO6								x	x	x	x
PO7										x	x

Bảng 3. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia

TT	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm	
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	TCTN 1	TCTN 2
PLO1.1	x	x	x								
PLO1.2	x	x	x								
PLO1.3	x	x	x								
PLO1.4			x	x							
PLO2.1					x	x					
PLO2.2					x	x					
PLO2.3						x	x				
PLO2.4							x	x	x		
PLO2.5								x	x		
PLO3.1										x	x
PLO3.2										x	x

#### 4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đại học chính quy ngành Kế toán có thể làm việc:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên Marketing, điều hành tour trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, vận chuyển, tổ chức sự kiện ...;
- Trưởng nhóm, giám sát, hoặc quản lý các bộ phận kinh doanh, nhân sự, quan hệ khách hàng, nghiên cứu và phát triển thị trường, quan hệ công chúng (PR) tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành ...;

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp có liên quan đến du lịch và lữ hành: Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch, Tổng cục Du lịch, Vụ lữ hành, khách sạn, Sở du lịch, Viện nghiên cứu và phát triển du lịch...

- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu, liên quan tới các lĩnh vực du lịch và lữ hành.

## **5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thực hiện đối sánh chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của trường Đại học Hòa Bình với các chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại các đơn vị khác, bao gồm trường Đại học Công nghệ Đông Á, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, và chương trình Bachelor of Tourism, Hospitality and Events tại James Cook University, Singapore, chúng ta có kết quả sau:

5.1. Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trường Đại học Hòa Bình

Cấu trúc chương trình: Gồm 51 học phần, tổng cộng 130 tín chỉ tích lũy, thời gian đào tạo là 4 năm.

Nội dung học phần: Bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương; và các môn học kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Phương pháp giảng dạy và đánh giá: Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đánh giá qua bài tập, thi giữa kỳ và cuối kỳ.

Cơ hội thực tập và việc làm: Có chương trình thực tập tại các công ty du lịch, khách sạn, cơ hội việc làm trong ngành du lịch và khách sạn.

5.2. Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trường Đại học Công nghệ Đông Á

Cấu trúc chương trình: Gồm 48 học phần, tổng cộng 127 tín chỉ tích lũy, thời gian đào tạo là 4 năm.

Nội dung học phần: Bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương; và các môn học kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Phương pháp giảng dạy và đánh giá: Sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy thực tế, đánh giá qua các dự án nhóm, bài thuyết trình, và thi cử.

Cơ hội thực tập và việc làm: Hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong ngành, cơ hội thực tập phong phú và cơ hội việc làm sau khi ra trường.

5.3. Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Cấu trúc chương trình: Gồm 40 học phần, tổng cộng 129 tín chỉ tích lũy, thời gian đào tạo là 4 năm.

Nội dung học phần: Bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương; và các môn học kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Phương pháp giảng dạy và đánh giá: Kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành, đánh giá qua các bài kiểm tra, bài tập nhóm, và kỳ thi.

Cơ hội thực tập và việc làm: Có chương trình thực tập tại các doanh nghiệp trong ngành du lịch, cơ hội việc làm cao sau khi tốt nghiệp.

5.4. Chương trình Bachelor of Tourism, Hospitality and Events, James Cook University, Singapore



Cấu trúc chương trình: Học sinh được yêu cầu hoàn thành 72 điểm tín chỉ theo cấu trúc khóa học, bao gồm 20 môn học chính (60 điểm tín chỉ) và 4 môn tự chọn (12 điểm tín chỉ), thời gian đào tạo là 2 năm

Nội dung học phần: Các môn học về du lịch, sự kiện, khách sạn, không có một số học phần giáo dục đại cương bắt buộc (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh...) như trong chương trình đào tạo trong nước.

Phương pháp giảng dạy và đánh giá: Sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp lý thuyết và thực hành, đánh giá qua các dự án, bài tập, và kỳ thi.

Cơ hội thực tập và việc làm: Sinh viên lựa chọn làm thực tập hoặc làm Dự án đa ngành hoặc Dự án độc lập.

### **Đánh giá chung**

*Sự tương đồng:* Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành khoa Du lịch, Trường Đại học Hòa Bình có cấu trúc tương tự với (CTĐT) các đơn vị khác trong nước về các khối môn học giáo dục đại cương, ngành và chuyên ngành.

Mục tiêu chung, Mục tiêu cụ thể, Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trường Đại học Hòa Bình, các học phần bắt buộc cốt lõi trong CTĐT của trường Đại học Hòa Bình năm 2024 đáp ứng yêu cầu công tác của cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và cũng là những học phần cốt lõi trong các CTĐT đối sánh.

Phương pháp giảng dạy đều kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, với sự tham gia của các chuyên gia trong ngành.

*Sự khác biệt:* số lượng học phần và tín chỉ ở (CTĐT) có đôi chút khác biệt về số môn học. Tích lũy tín chỉ ở ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Trường Đại học Đông Á ít hơn 2 tín chỉ so với 2 (CTĐT) còn lại.

Chương trình tại James Cook University có ưu thế về quốc tế hóa, cơ hội thực tập quốc tế, và phương pháp giảng dạy hiện đại. Chương trình tại các trường đại học ở Việt Nam có sự khác biệt về cách thức thực hiện chương trình thực tập và liên kết với doanh nghiệp trong nước.

### **Kết luận**

Việc đối sánh các chương trình đào tạo khoa Du lịch giữa các trường đại học cho thấy mỗi chương trình có những ưu điểm và nhược điểm riêng, phù hợp với nhu cầu và điều kiện của từng nhóm sinh viên. Sự lựa chọn chương trình đào tạo sẽ phụ thuộc vào mục tiêu nghề nghiệp và khả năng tài chính của từng cá nhân.

## **6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo**

*Bảng 4 Mối quan hệ giữa các khối học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT*

Các khối học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	
Khối kiến thức giáo dục đại cương	37	28	x	x										

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	20	15.2			x	x	x	x					
	<i>Kiến thức ngành</i>	38	28.8			x	x	x	x					
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	27	20.5					x	x	x	x	x		
Thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp		10	7.6									x	x	x
Kiến thức không tích lũy		12	0		x							x	x	x
Tổng		132	100											

## 6.2. Danh sách học phần

T T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
	<b>I</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>37</b>			
	<b>1.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>	<b>11</b>			
1	7GDC013	Triết học Mác- Lê nin	3	30	15	90
2	7GDC032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	75
3	7GDC042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70
4	7GDC052	Lịch sử Đảng CSVN	2	20	10	90
5	7GDC022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	75
	<b>1.2</b>	<b>Ngoại ngữ</b>	<b>9</b>			
6	7GDC133	Tiếng Anh 1	3	11	34	90
7	7GDC143	Tiếng Anh 2	3	11	34	90
8	7GDC153	Tiếng Anh 3	3	11	34	90
	<b>1.3</b>	<b>Kiến thức Toán, Công nghệ, Tự nhiên</b>	<b>6</b>			
9	7GDC123	Tin học đại cương	3	15	30	45
10	7GDC113	Lý thuyết xác suất thống kê	3	22	21	90
	<b>1.4</b>	<b>Kiến thức Khoa học xã</b>	<b>11</b>			



T T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
		<b>hội và nhân văn</b>				
11	7GCD062	Pháp luật đại cương	2	25	4	60
12	7GDC182	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	10	60
13	7GDC192	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	20	10	60
14	7GDC202	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	20	10	60
15	7CSN083	Quản trị học	3	36	9	135
	<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>95</b>			
	<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở khối ngành, ngành</b>	<b>20</b>			
16	7CSN073	Tổng quan du lịch	3	25	20	90
17	7CSN093	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	15	90
18	7CSN103	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	22	23	95
19	7CSN113	Quản trị sự kiện	3	25	20	90
20	7CSN122	Văn hóa ẩm thực	2	20	10	60
21	7CSN136	Thực tập 1	6		90	180
	<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>38</b>			
	<i>2.2.1</i>	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>32</i>			
22	<i>7CSN132</i>	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2	15	15	60
23	7KTN022	Địa lý du lịch	2	20	10	60
24	7KTN033	Marketing du lịch	3	32	13	90
25	7KTN042	Quản trị điểm đến du lịch	2	20	10	60
26	7KTN053	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	32	13	90
27	7KTN063	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	24	21	90
28	7KTN073	Tâm lý du lịch	3	36	9	90
29	7KTN082	Du lịch bền vững	2	16	14	60
30	7KTN092	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	30	15	90
31	7KTN103	Tiếng Anh chuyên ngành	3	20	25	95
32	7KTN116	Thực tập 2	6		90	180
	<i>2.2.2</i>	<i>Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 4)</i>	<i>6/12</i>			

T T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
33	7KTN163	Quản trị lễ tân	3	33	12	90
34	7KTN173	Quản trị nhà hàng	3	30	15	90
35	7CSN123	Quản trị du lịch MICE	3	22	23	90
36	7CSN133	Du lịch sinh thái	3	22	23	90
	<b>2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>27</b>			
	<i>2.3.1</i>	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>23</i>			
37	7KTN153	Điều hành du lịch	3	20	25	90
38	7CSN243	Thiết kế chương trình du lịch	3	30	15	90
39	7QDL233	Kỹ năng hoạt náo	2	18	12	60
40	7KTN143	Hướng dẫn du lịch	3	30	15	90
41	7KTN123	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	3	30	15	90
42	7KTN133	Kỹ năng sơ cấp cứu	3	15	30	90
43	7KTN196	Thực tập 3	6		90	180
	<i>2.3.2</i>	<i>Kiến thức ngành tự chọn (chọn 2 trong 4)</i>	<i>4/8</i>			
44	7QDL282	Quản trị dịch vụ vận chuyển	2	20	10	60
45	7KTN202	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	20	10	60
46	7QDL302	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	2	20	10	60
47	7QDL312	Du lịch tâm linh	2			
	<b>2.4</b>	<b>Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>			
48	7TTN023	Thực tập tốt nghiệp	4			120
49	7KLN106	Khóa luận tốt nghiệp/ Chuyên đề thay thế	6			180
49	7KTN213	<i>Quản trị thương hiệu</i>	3	25	20	90
49	7KTN223	<i>Khởi sự kinh doanh trong du lịch</i>	3	23	22	90
		<b>TỔNG CỘNG KIẾN THỨC TÍCH LŨY</b>	<b>132</b>			
		<b>KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY</b>	<b>12</b>			
50	7GDC174	Giáo dục thể chất	4			



T T	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
51	7GDC168	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8			

(*Hướng dẫn: Trình bày các học phần theo các khối kiến thức trong chương trình đào tạo, xác định rõ loại tín chỉ, mỗi tín chỉ lý thuyết gồm 15 giờ giảng; 35 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá; mỗi tín chỉ thực hành gồm 30 giờ thực hành, thí nghiệm thảo luận và 20 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá*)

### 6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 5

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1				PLO2							PLO3			
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	2.7	3.1	3.2	3.3	
1	7GDC 013	Triết học Mác- Lê nin		K2				S2							A2	A3	
2	7GDC 032	Chủ nghĩa xã hội khoa học		K2	K3				S3							A3	
3	7GDC 042	Tư tưởng Hồ Chí Minh		K2				S2	S3							A3	
4	7GDC 052	Lịch sử Đảng CSVN		K2				S2	S3						A3		
5	7GDC 022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		K2	K3				S3							A3	
6	7GDC 133	Tiếng Anh 1					S2	S2	S2	S2			S2	A2	A2	A2	
7	7GDC 143	Tiếng Anh 2					S2	S2	S2	S2			S2	A2	A2	A2	
8	7GDC 153	Tiếng Anh 3					S2	S2	S2	S2			S2	A2	A2	A2	
9	7GDC 123	Tin học đại cương		K3	S3									A2	A2		

10	7GDC 113	Lý thuyết xác suất thống kê	K3		K3	K3	S3			S3	S3		S3	A3	A3	A3
11	7GCD 062	Pháp luật đại cương	K2	K3			S1			S3				A4		
12	7GDC 182	Lịch sử văn minh thế giới	K1	K2			S1	S2						A1	A2	
13	7GDC 192	Cơ sở Văn hóa Việt Nam		K2	K3		S1	S2	S3	S4	S5			A1	A2	
14	7GDC 202	Tiến trình lịch sử Việt Nam	K1	K2	K3		S1	S2	S3					A1	A2	
15	7CSN 083	Quản trị học	K1	K2			S1	S2						A2		
16	7CSN 073	Tổng quan du lịch														
17	7CSN 093	Quản trị quan hệ khách hàng		K2	K3		S1	S2	S3	S4	S5			A1	A2	
18	7CSN 103	Quản trị nguồn nhân lực du lịch		K2	K3		S1	S2	S3	S4	S5			A1	A2	
19	7CSN 113	Quản trị sự kiện														
20	7CSN 122	Văn hóa ẩm thực		K2	K3				S3	S4	S5			A1	A2	
21	7CSN 136	Thực tập 1		K2	K3			S3	S4	S5				A1	A2	
22	7CSN 132	Kinh doanh du lịch trực tuyến		K2	K3			S3	S4	S5				A1	A2	
23	7KTN 022	Địa lý du lịch		K2	K3			S3							A2	
24	7KTN 033	Marketin g du lịch			K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5			A1	A2	
25	7KTN 042	Quản trị điểm đến du lịch			K3	K4				S4	S5				A2	



26	7KTN 053	Quản trị kinh doanh khách sạn		K2	K3		S1	S2								A2
27	7KTN 063	Quản trị kinh doanh lễ hành			K3		S1				S5					A2
28	7KTN 073	Tâm lý du lịch			K3	K4	S1	S2	S3						A1	A2
29	7KTN 082	Du lịch bền vững			K3	K4	S1	S2	S3						A1	A2
30	7KTN 092	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch			K3		S1	S2							A1	A2
31	7KTN 103	Tiếng Anh chuyên ngành			K3		S1									A2
32	7KTN 116	Thực tập 2			K3		S1									A2
33	7KTN 163	Quản trị lễ tân			K3						S5			A1	A2	
34	7KTN 173	Quản trị nhà hàng			K3				S3							A2
35	7CSN 123	Quản trị du lịch MICE			K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5			A1	A2	
36	7CSN 133	Du lịch sinh thái			K3			S2	S3		S5			A1	A2	
37	7KTN 153	Điều hành du lịch			K3	K4	S1	S2						A1	A2	
38	7CSN 243	Thiết kế chương trình du lịch			K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5			A1	A2	
39	7QDL 233	Kỹ năng hoạt náo			K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5			A1	A2	
40	7KTN 143	Hướng dẫn du lịch			K3		S1	S2						A1	A2	
41	7KTN	Tuyển			K3	K4		S2	S3		S5			A1	A2	

	123	điểm du lịch Việt Nam																
42	7KTN 133	Kỹ năng sơ cấp cứu			K3	K4	S1	S2								A1	A2	
43	7KTN 196	Thực tập 3			K3	K4	S1	S2								A1	A2	
44	7QDL 282	Quản trị dịch vụ vận chuyển			K3		S1	S2	S3							A1	A2	
45	7KTN 202	Thanh toán quốc tế trong du lịch			K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5					A1	A2	
46	7QDL 302	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam			K3	K4		S2			S5					A1	A2	
47	7QDL 312	Du lịch tâm linh			K3	K4	S1	S2								A1	A2	
48	7TTN 023	Thực tập tốt nghiệp			K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5					A1	A2	
49	7KLN 106	Khóa luật tốt nghiệp/ Chuyên đề thay thế			K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5					A1	A2	
49	7KTN 213	<i>Quản trị thương hiệu</i>			K3	K4		S2	S3	S4						A1	A2	
49	7KTN 223	<i>Khởi sự kinh doanh trong du lịch</i>			K3	K4		S2	S3	S4	S5					A1	A2	
48	70500 14	Giáo dục thể chất																
49	70600 18	Giáo dục quốc phòng - An ninh																



**6.4. Kế hoạch dạy học**

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Tiên quyết	Học phần trước	Song hành
					Lý thuyết	Thực hành/thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá			
1	15	7GDC013	Triết học Mác- Lê nin	3	30	15	90			
		7GCD062	Pháp luật đại cương	2	25	4	60			
		7GDC123	Tin học đại cương	3	15	30	45			
		7GDC022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	75			
		7GDC133	Tiếng Anh 1	3	11	34	90			
		7GDC182	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	10	60			
		7GDC032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	75			
2	19	7CSN083	Quản trị học	3	36	9	135			
		7GDC113	Lý thuyết xác suất thống kê	3	22	21	90			
		7GDC143	Tiếng Anh 2	3	11	34	90			
3	18	7GDC192	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2	20	10	60			
		7CSN136	Thực tập 1	6		90	180			
		7GDC042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70			
		7CSN073	Tổng quan du lịch	3	25	20	90			

4	7CSN103	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	22	23	95	7320083	
	7CSN122	Văn hóa âm thực	2	20	10	60		
	7GDC153	Tiếng Anh 3	3	11	34	90	7710073	
	7GDC052	Lịch sử Đảng CSVN	2	20	10	90		
	7CSN243	Thiết kế chương trình du lịch	3	30	15	90		
	7GDC202	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	20	10	60		
	7KTN033	Marketing du lịch	3	32	13	90		
	7KTN042	Quản trị điểm đến du lịch	2	20	10	60	7320083	
	7CSN113	Quản trị sự kiện	3	25	20	90	7320083	
	7KTN103	Tiếng Anh chuyên ngành	3	20	25	95	7710083	
	7KTN123	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	30	15	90		
	7KTN116	Thực tập 2	6		90	180		
	7KTN053	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	32	13	90	7320083	
5	7KTN063	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	24	21	90	7320083	



6	7KTN092	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	30	15	90	
	7KTN022	Địa lý du lịch	2	20	10	60	
	7KTN143	Hướng dẫn du lịch	3	30	15	90	
6	7CSN093	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	15	90	
	7KTN082	Du lịch bền vững	2	16	14	60	
	7KTN073	Tâm lý du lịch	3	36	9	90	
	7CSN132	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2	15	15	60	
	7KTN153	Điều hành du lịch	3	20	25	90	
	7KTN196	Thực tập 3	6		90	180	
	7KTN163	Quản trị lễ tân	3	33	12	90	7320083
7	7QDL233	Kỹ năng hoạt náo	2	18	12	60	
	7KTN173	Quản trị nhà hàng	3	30	15	90	7320083
	7KTN133	Kỹ năng sơ cấp cứu	3	15	30	90	
8	7QDL312	Du lịch tâm linh	2	20	10	60	
	7KTN202	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	20	10	60	
	7TTN023	Thực tập tốt nghiệp	4			120	
	7KLN106	Khóa luận tốt nghiệp/ Chuyên đề thay thế	6			180	

*Hướng dẫn: Khai quát các chiến lược giảng dạy và học tập chủ yếu của CTĐT (yêu cầu bám sát vào đề cương chi tiết học phần).*

### 6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, thể hiện trong Bảng 6

**Bảng 6. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp dạy-học**

Chiến lược và phương pháp dạy học	PLOs										
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
Thảo luận/ làm việc nhóm	x	x	x		x	x	x				
Thực hành/ bài tập	x	x	x	x							
Thuyết trình, đàm thoại						x	x	x	x		
ngiên cứu tình huống			x	x		x	x		x		
Đổi thoại, Đưa lời khuyên										x	
Thực tập tại cơ sở doanh nghiệp											x

(*Hướng dẫn: Đánh dấu × vào các mục tương ứng*)

### 6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá

(*Hướng dẫn: Mô tả khái quát các phương pháp đánh giá có trong CTĐT*)

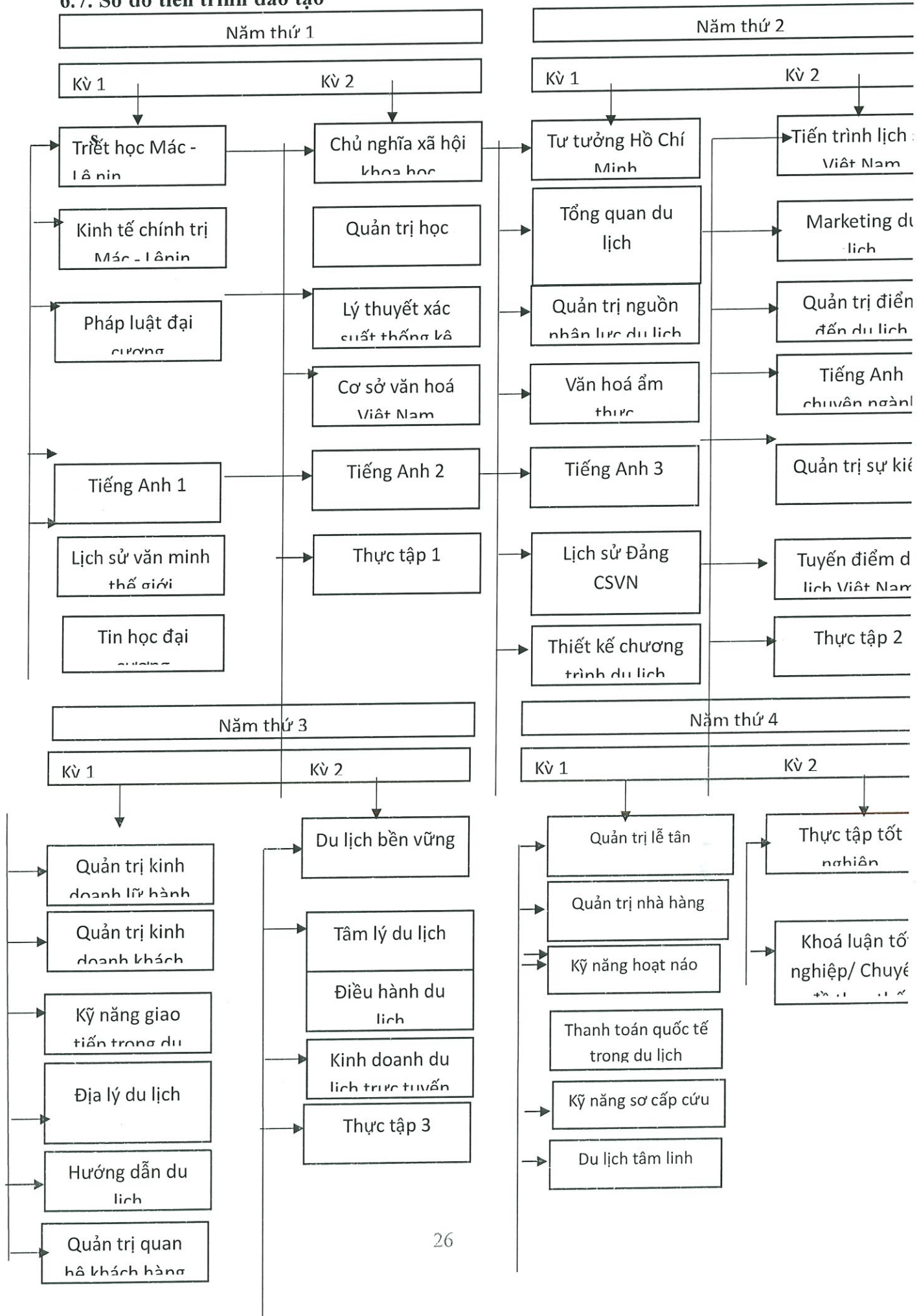
**Bảng 7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT**

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo										
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
Hoạt động nhóm	X	x	X		x	x	x				
Trắc nghiệm khách quan	x	x	x	x							
Thi tự luận						x	x	x	x		
Tiểu luận			x	x		x	X		x		
Chuyên gia đánh giá										x	x

{Trình bày rubrics đánh giá cơ bản của chương trình, ví dụ rubrics đánh giá khóa luận (do bộ môn quản lý chương trình xây dựng)}...



### 6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo



## 7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1	<p><b>7GDC013 - Triết học Mac-Lenin – 3TC</b></p> <p>Chương I trình bày những nét khái quát nhất về Triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.</p>
2	<p><b>7GDC032 - Chủ nghĩa xã hội khoa học- 2TC</b></p> <p>Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin), khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản như: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo và vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>
3	<p><b>7GDC042 - Tư tưởng Hồ Chí Minh - 2 TC</b></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>Mục tiêu học phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.</li> <li>- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.</li> <li>- Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.</li> <li>- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.</li> </ul> <p>Mô tả vắn tắt nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.</p>
4	<p><b>7GDC052 - Lịch sử Đảng CSVN - 2 TC</b></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học trước môn Triết học Mác -Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Mục tiêu của học phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.</li> <li>- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp</li> </ul>



	luật của Đảng và Nhà nước.
5	<p><b>7GDC022 - Kinh tế chính trị Mac-Lenin - 2 TC</b></p> <p>Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, Trên cơ sở đó hình thành tư duy kỹ năng, phân tích đánh giá nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p>
6	<p><b>7GDC133 - Tiếng Anh 1 – 3TC</b></p> <p>Cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, các cấu trúc thường được sử dụng. Giới thiệu và luyện các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và trong công việc. Các đề tài kinh tế, thương mại và các chủ đề khác về bản thân, gia đình, sở thích, công việc, thể thao, du lịch, quá khứ, dự định tương lai... Hướng dẫn phương pháp luyện phát âm, học từ, phương pháp luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Market Leader Elementary</li> <li>- Tactics for TOEIC (unit 1-14)</li> </ul>
7	<p><b>7GDC143 - Tiếng Anh 2 - 3TC</b></p> <p>Cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, các cấu trúc thường được sử dụng. Giới thiệu và luyện các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và trong công việc. Các đề tài kinh tế, thương mại và các chủ đề khác về bản thân, gia đình, sở thích, công việc, thể thao, du lịch, quá khứ, dự định tương lai... Hướng dẫn phương pháp luyện phát âm, học từ, phương pháp luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Sau khi học Tiếng Anh 1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Market Leader Intermediate</li> <li>- Tactics for TOEIC (unit 15-28)</li> <li>- STARTER TOEIC</li> </ul>
8	<p><b>7GDC153 - Tiếng Anh 3 - 3TC</b></p> <p>Cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, các cấu trúc thường được sử dụng. Giới thiệu và luyện các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và trong công việc. Các đề tài kinh tế, thương mại và các chủ đề khác về bản thân, gia đình, sở thích, công việc, thể thao, du lịch, quá khứ, dự định tương lai... Hướng dẫn phương pháp luyện phát âm, học từ, phương pháp luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Sau khi học Tiếng Anh 2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 600 essential words for the TOEIC Test</li> <li>- Destinations B1</li> <li>- DEVELOPING SKILLS FOR THE TOEIC TEST</li> <li>- TOEIC ANALYST</li> </ul>
9	<p><b>7GDC123 - Tin học đại cương - 3 TC</b></p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học, về cấu tạo và vận hành của máy tính điện tử, cách sử dụng một số hệ điều hành thông dụng</p>



	(MS DOS, WINDOWS) và khai thác mạng máy tính nhằm giúp cho sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy tính trong học tập cũng như trong các hoạt động của mình sau này. Cung cấp kỹ năng sử dụng tin học văn phòng cho sinh viên với các chương trình tin học văn phòng cơ bản.
10	<b>7GDC113 - Lý thuyết Xác suất thống kê -3TC</b> Sinh viên được tăng cường thêm không chỉ kiến thức toán học mà còn củng cố thêm cho phép tư duy biện chứng trong nghiên cứu kinh tế. Thấy được mối quan hệ trong cặp phạm trù “ ngẫu nhiên và tất nhiên”, Hiểu được rằng cái ngẫu nhiên cũng có quy luật và Lý thuyết xác suất là bộ phận nghiên cứu tính quy luật đó. Vận dụng thành thạo các phương pháp thông dụng của Thống kê toán (Phương pháp mẫu, phương pháp ước lượng, phương pháp kiểm định giả thuyết) trong nghiên cứu, phân tích sự tác động và mối quan hệ giữa các biến số kinh tế
11	<b>7GCD062 - Pháp luật đại cương – 2TC</b> Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản như: Những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; Hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh; quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh; Các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.
12	<b>7GDC182 - Lịch sử văn minh thế giới – 2 TC</b> Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được vốn tri thức cơ bản về những đặc trưng riêng và tính phong phú, đa dạng của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người từ thời cổ đại đến thế kỷ XX. Nắm được điều kiện hình thành, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, lịch sử hình thành và những đóng góp to lớn của các nền văn minh về các mặt như: chữ viết, văn học, khoa học tự nhiên, nghệ thuật, các quan điểm triết học, tôn giáo... cho sự phát triển không ngừng và thịnh vượng của xã hội loài người. Hiểu được nguyên nhân phát triển, hạn chế và những bài học kinh nghiệm nhằm vận dụng vào công cuộc đổi mới và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.
13	<b>7GDC192 - Cơ sở Văn hóa Việt Nam – 2 TC</b> Sau khi học xong môn này, sinh viên nắm vững các khái niệm, thuật ngữ về Văn hóa và Văn hóa học. Được trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành, quá trình hình thành và các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam. Nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Nhận thức được vai trò có tính chất nền tảng của văn hóa trong sự phát triển toàn diện và bền vững của đời sống xã hội. Có khả năng lí giải về văn hóa ứng xử với pháp luật của người Việt xưa và nay từ nền tảng văn hóa truyền thống. Có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để liên hệ và mở rộng tầm hiểu biết với các lĩnh vực có liên quan (Sử học, Dân tộc học, Khảo cổ học...).
14	<b>7GDC202 - Tiến trình lịch sử Việt Nam - 2 TC</b> Sinh viên sau khi học xong môn này có thể hiểu được các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam, đồng thời cũng có kỹ năng phân tích và so sánh các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam
15	<b>7CSN083 - Quản trị học – 3 TC</b>



	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về khoa học Quản trị như: các lý thuyết quản trị, chức năng quản trị, kỹ năng quản trị... giúp người học nắm được phương pháp luận để có thể nghiên cứu sâu hơn về Quản trị kinh doanh; luyện tập kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.
16	<b>7CSN073 - Tổng quan du lịch - 3 TC</b> Hiểu được những khái niệm cơ bản về du lịch, khách du lịch, hệ thống du lịch, sản phẩm du lịch; tiềm năng du lịch, nắm được cấu trúc của hệ thống du lịch, sản phẩm du lịch, tiềm năng du lịch, xu hướng phát triển du lịch; cung cầu trong du lịch, ; Khái niệm, nội dung, yêu cầu đối với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch và nguồn nhân lực du lịch; chất lượng dịch vụ du lịch; các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế du lịch; Các chính sách phát triển du lịch Việt Nam, quy hoạch phát triển du lịch bền vững.
17	<b>7CSN103 - Quản trị nguồn nhân lực du lịch – 3 TC</b> Học phần “Quản trị nhân lực du lịch” giúp SV có thể: Trình bày được các vấn đề cơ bản về nhân lực trong kinh doanh du lịch. Hiểu được tổng quan về vai trò và vị trí quan trọng của nguồn nhân lực. Nắm được rõ những tiêu chí trong việc tuyển chọn nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, những kiến thức về đánh giá hiệu quả công việc, mối quan hệ lao động trong ngành du lịch, vai trò của nguồn nhân lực trong hoạch định chiến lược phát triển.
18	<b>7CSN113 - Quản trị sự kiện - 3 TC</b> Học phần “Quản trị sự kiện” là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị Du lịch . Với thời lượng 3 tín chỉ, học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: - Sự kiện và dịch vụ tổ chức, quản trị sự kiện trong kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng - Quy trình tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, hội họp - Quản trị cung ứng dịch vụ tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, hội họp trong khách sạn và khu nghỉ dưỡng - Marketing dịch vụ tổ chức sự kiện (Event) và dịch vụ MICE trong kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng.
19	<b>7KTN092 - Kỹ năng giao tiếp trong du lịch - 2 TC</b> Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành đào tạo, sau khi học và đạt được yêu cầu, sinh viên nhận biết những sở thích, tâm trạng và những nét đặc trưng trong tâm lí du khách, có cách giao tiếp phù hợp với từng tình huống cụ thể, có khả năng thuyết phục khách, và phán đoán được tâm lí khách khi tiếp xúc với học.
20	<b>7CSN136 - Thực tập 1 - 6 TC</b> Chuyên đi thực tế được tổ chức tập trung trong khoảng thời gian từ 1 tháng đến 2 tháng ưu tiên điểm, tuyến du lịch xuyên Việt và có thể tổ chức những tour/ tuyến trọn gói ở nước ngoài phù hợp với điều kiện hiện có. Bước đầu thực hành tổ chức tour, tổ chức sự kiện, thực hành nghiệp vụ khách sạn và thực tập, thực tế tuyến điểm du lịch, khảo sát tài nguyên và sản phẩm, dịch vụ du lịch, các sự kiện, lễ hội tiêu biểu tại các điểm đến và trên tuyến cũng như thực hành các nghiệp vụ cơ bản dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các cơ sở kiến tập. Qua đó, sinh viên được



	<p>rèn luyện nhiều kỹ năng và nghiệp vụ mang tính chất tổng hợp để làm quen và có khả năng triển khai các công việc trong thực tế.</p>
21	<p><b>7KTN022 – Địa lí du lịch – 2TC</b>  Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về hệ thống lãnh thổ du lịch (hệ thống phân vùng, phân vị trong du lịch) cho sinh viên ngành du lịch, quản trị kinh doanh dịch vụ và lữ hành, ngành quản trị và kinh doanh khách sạn. Với cách tiếp cận điểm đến, người học có khả năng phân tích, đánh giá các điều kiện phát triển du lịch ở từng điểm du lịch, từng vùng du lịch cụ thể, từ đó định hướng hình thành và xây dựng các chương trình du lịch, góp phần phát triển năng lực thực hiện, điều hành, quản lý hoạt động du lịch. Học phần cung cấp các kỹ năng nhằm tăng khả năng thành công của người làm du lịch tương lai bằng cách nhận thức được trách nhiệm của người làm nghề du lịch, từ đó đưa ra các ứng xử, thái độ tích cực trong giao tiếp và hành động.</p>
22	<p><b>7KTN033 - Marketing du lịch - 3 TC</b>  Học phần này giới thiệu với học viên những kiến thức cơ bản về marketing, marketing du lịch và khách sạn như: Thị trường du lịch, khách sạn; nghiên cứu thị trường du lịch, khách sạn; hiểu biết về hành vi người tiêu dùng sản phẩm- phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch bền vững; chiến lược marketing; marketing-mix và tổ chức bộ phận marketing trong doanh nghiệp, khách sạn.</p>
23	<p><b>7KTN042 - Quản trị điểm đến du lịch - 2 TC</b>  Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và chuyên sâu về mặt lý luận khoa học trong công tác quản lý tại các điểm du lịch, phân tích, lập kế hoạch xây dựng, phát triển các điểm du lịch mới. Đồng thời môn học cũng sẽ cung cấp những kỹ năng cụ thể, chuyên biệt của công tác, giúp sinh viên nắm bắt sâu sắc các vấn đề chủ yếu trong kinh doanh điểm du lịch để vận dụng một cách có hiệu quả vào thực tế công việc sau này.</p>
24	<p><b>7CSN122 - Văn hóa ẩm thực - 2 TC</b>  Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về ẩm thực Việt Nam cũng như ẩm thực thế giới, ẩm thực và văn hóa ẩm thực vùng miền. Học xong học phần này, cho phép sinh viên hiểu rõ hơn về văn hóa ẩm thực, sở thích và thói quen ăn uống của các vùng miền, của khách du lịch một số nước trên thế giới, cách phục vụ những đối tượng này.</p>
25	<p><b>7KTN053 - Quản trị kinh doanh khách sạn - 3 TC</b>  Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành đào tạo, sau khi học và đạt được yêu cầu, sinh viên có khả năng quản lý, giám sát và thực hiện các công việc có liên quan đến kinh doanh khách sạn .</p>
26	<p><b>7KTN063 - Quản trị kinh doanh lữ hành -3 TC</b>  Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành đào tạo, sau khi học và đạt được yêu cầu, sinh viên có khả năng quản lý, giám sát và thực hiện các công việc có liên quan đến hướng dẫn các chương trình du lịch.</p>
27	<p><b>7KTN073 - Tâm lý du lịch - 3 TC</b>  Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành đào tạo, sau khi học và đạt được yêu cầu, sinh viên nhận biết những sở thích, tâm trạng và những nét đặc trưng trong tâm lý du khách, có cách giao tiếp phù hợp với từng tình</p>



	huống cụ thể, có khả năng thuyết phục khách, và phán đoán được tâm lí khách khi tiếp xúc với học
28	<b>7QDL312 - Du lịch tâm linh – 2TC</b> Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về loại hình du lịch tâm linh: Khái niệm, đặc điểm, phân loại, xây dựng chương trình. Từ đó, sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích được các vấn đề cơ bản của du lịch tôn giáo và vận dụng vào các môn học và thực tế công việc sau này.
29	<b>7KTN103 - Tiếng Anh chuyên ngành - 3 TC</b> Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch được lồng vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của sinh viên.
30	<b>7KTN116 - Thực tập 2 - 6 TC</b> Chủ động tiếp cận môi trường thực tế (các khách sạn, cơ sở thực tập) để thực hiện các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ cụ thể liên quan tới nghề nghiệp như nhận đặt phòng, làm thủ tục check-in, check-out, xử lý tình huống... ; bày bàn theo thực đơn, kỹ thuật phục vụ đồ ăn kiểu Âu, kiểu Á, nghiệp vụ phục vụ tiệc, nghiệp vụ phục vụ đồ uống, kỹ thuật pha chế cocktail...; một số kỹ thuật cơ bản như làm vệ sinh phòng khách, làm vệ sinh khu vực công cộng, nghiệp vụ giặt là...
31	<b>7KTN202 - Thanh toán quốc tế trong du lịch – 2TC</b> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quát về thanh toán quốc tế trong du lịch, bao gồm: các vấn đề cơ bản về thanh toán quốc tế như đặc điểm, vai trò và cân cân thanh toán quốc tế; các vấn đề về tỷ giá hối đoái như khái niệm, phân loại, phương pháp công bố, phương pháp xác định, thị trường hối đoái;
32	<b>7QDL282 - Quản trị dịch vụ vận chuyển – 2TC</b> Học phần Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bắt buộc của chuyên ngành quản trị lữ hành thuộc ngành đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần kinh tế du lịch và quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành. Nội dung chính của học phần bao gồm: Những khái niệm cơ bản về dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vận chuyển du lịch, kinh doanh dịch vụ vận chuyển du lịch, các loại hình vận chuyển, chủ sở hữu đối với phương tiện vận chuyển; Hiệu suất kinh doanh kinh doanh; Các dịch vụ và tiện nghi trong kinh doanh dịch vụ vận chuyển, chất lượng dịch vụ vận chuyển tàu bay, tàu thủy, tàu hỏa, ô tô ...
33	<b>7QDL302 - Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam – 2TC</b> Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phong tục và lễ hội Việt Nam; mục đích, tính chất và nguồn gốc của phong tục và lễ hội; phân loại phong tục và lễ hội. Mối quan hệ giữa phong tục và lễ hội. Từ đó, sinh viên nhận diện được, hệ thống được các loại phong tục, lễ hội, các thành tố của phong tục, lễ hội, đặc điểm, giá trị tiêu biểu của phong tục, lễ hội. Phân tích, đánh giá những tác động của xã hội hiện đại đến phong tục Việt Nam. Phân tích, so sánh đặc điểm của lễ hội truyền thống Việt Nam với lễ hội hiện đại. Đồng thời, có thái độ trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua phong tục và lễ hội truyền thống của người Việt.
34	<b>7KTN143 - Hướng dẫn du lịch – 3TC</b>



	<p>Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành đào tạo, sau khi học và đạt được yêu cầu, sinh viên có khả năng quản lý, giám sát và thực hiện các công việc có liên quan đến hướng dẫn các chương trình du lịch. Môn học gồm 5 chương: Hướng dẫn viên du lịch; Nghiệp vụ thuyết minh du lịch; Chuẩn bị trước chuyến đi; Quy trình tác nghiệp hướng dẫn chương trình du lịch; Xử lý tình huống trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.</p>
35	<p><b>7KTN123 - Tuyển điểm du lịch Việt Nam - 3 TC</b>          Nội dung học phần gồm những kiến thức và kỹ năng vận dụng tổng hợp về các điểm đến như địa lý, lịch sử, phong tục, các đặc điểm và các điểm tham quan cộng đồng dân cư địa phương khí hậu và tính mùa vụ ảnh hưởng đến thời gian tham quan, các sự kiện đặc biệt như lễ hội, phương tiện dành cho du khách, những vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe, những cảnh báo về du lịch. Đông thời học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thiết kế những điểm tuyến du lịch phù hợp với từng vùng miền, những chương trình du lịch với những điểm tham quan đặc trưng của từng điểm tuyến du lịch đó. Nội dung học phần gồm 7 chương, trình bày những vấn đề cơ bản, hệ thống, tương đối ngắn gọn, dễ hiểu về những vấn đề cơ bản về điểm tuyến du lịch</p>
36	<p><b>7KTN133 - Kỹ năng sơ cấp cứu - 3 TC</b>          Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp, công cụ hỗ trợ ... xử lý được một số tình huống gây nguy hiểm cho khách. Từ đó, sinh viên có khả năng xử lý được một số các tình huống tiêu biểu gây nguy hiểm cho khách du lịch và rèn luyện tính cẩn thận, trách nhiệm, kỷ luật trong công việc.</p>
37	<p><b>7KTN163 - Quản trị lễ tân - 3 TC</b>          Học phần giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận về quản trị tác nghiệp lễ tân khách sạn và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế trong hoạt động phục vụ trực tiếp tại bộ phận lễ tân của khách sạn. Qua đó, học phần trang bị cho người học những kiến thức về quy trình phục vụ, các kỹ năng và tiêu chuẩn phục vụ của lễ tân khách sạn; các hoạt động tổ chức và quản lý quá trình phục vụ của bộ phận lễ tân khách sạn. Gồm 5 chương: Tổng quan về bộ phận lễ tân khách sạn; Quản lý nghiệp vụ nhận đặt buồng khách sạn; Quản lý các nghiệp vụ phục vụ của lễ tân khách sạn; Quản lý các trang thiết bị tiện nghi và tổ chức lao động bộ phận lễ tân khách sạn; Quản trị tận thu lễ tân khách sạn.</p>
38	<p><b>7CSN123 - Quản trị du lịch MICE- 3 TC</b>          Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản của quản trị MICE và các bước xây dựng một sự kiện nói chung và một hội nghị, hội thảo nói riêng. Hình thành kỹ năng xây dựng chương trình sự kiện, cách thức tiến hành kế hoạch marketing và bán dịch vụ MICE.</p>
39	<p><b>7KTN173 - Quản trị nhà hàng - 3 TC</b>          Học phần Quản trị nghiệp vụ nhà hàng là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị Khách sạn, có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị khách sạn nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp mang tính chuyên nghiệp cao cho người học. Học phần này nhằm trang bị cho người học là những nhà quản trị khách sạn, nhà hàng tương lai nền tảng kiến thức, hiểu biết về tổ chức vận hành hoạt động phục vụ ăn uống tại</p>



	<p>các nhà hàng trong kinh doanh khách sạn nói chung và tại các doanh nghiệp nhà hàng riêng lẻ bên ngoài khách sạn nói riêng. Đặc biệt, học phần “Quản trị nghiệp vụ nhà hàng” trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về các tiêu chuẩn và các kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ phục vụ của nhân viên nhà hàng. Qua đó, người học có thể hiểu tường tận về quá trình cung cấp dịch vụ ăn uống trực tiếp và tổ chức vận hành quá trình đó một cách hiệu quả trong nhà hàng. Bên cạnh đó còn giúp hình thành và phát triển các kỹ năng quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà hàng, kỹ năng quản lý điều phối nhân viên phục vụ, quản lý môi trường và điều kiện phục vụ ăn uống của một nhà hàng.</p>
40	<p><b>7CSN133 - Du lịch sinh thái - 3 TC</b>  Môn học cho biết những kiến thức cơ bản về DLST và phân biệt được DLST với các loại hình du lịch có liên quan, biết được xu hướng mới trong phát triển du lịch có trách nhiệm; Hiểu được ý nghĩa của việc phát triển DLST, phân tích được vai trò của các tổ chức, cá nhân đối với DLST; Nắm được tính chất cơ bản và các nguyên tắc của DLST từ đó vận dụng nghiên cứu các sản phẩm DLST; Nắm được mô hình marketing định hướng cung trong phát triển sản phẩm DLST; Hiểu được một số mô hình và biện pháp cụ thể trong quản lý DLST trên thế giới và vận dụng nghiên cứu mô hình quản lý DLST ở Việt Nam.</p>
41	<p><b>7KTN082 – Du lịch bền vững – 2TC</b>  Môn học trình bày những kiến thức cơ bản về du lịch bền vững; các cơ sở lý thuyết của du lịch bền vững; Các tiêu chí và các phương pháp liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Giải thích được các bước xây dựng quy hoạch du lịch bền vững, đánh giá được tầm quan trọng của việc đảm bảo hài hòa về lợi ích kinh tế của phát triển du lịch với bảo vệ tính đa dạng của tự nhiên và bản sắc văn hóa của cộng đồng bản địa nơi tiến hành du lịch.</p>
42	<p><b>7KTN153 – Điều hành du lịch – 3TC</b>  Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về công ty lữ hành, chương trình du lịch, quy trình thiết kế một chương trình du lịch, định giá tour du lịch, tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch, quản lý chất lượng chương trình du lịch. Cung cấp cách phân tích và xử lý thông tin, khai thác giá trị của các tài nguyên du lịch và thiết kế tour. Cung cấp kỹ năng tổ chức làm việc nhóm, khả năng tư duy độc lập sáng tạo góp phần xây dựng và thực hiện sản phẩm du lịch hoàn chỉnh nhằm đáp ứng đúng mong muốn của khách.</p>
43	<p><b>7QDL233 – Kỹ năng hoạt náo – 2TC</b>  Môn học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ năng hoạt náo và hoạt động teambuilding. Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về kỹ năng hoạt náo để tổ chức xây dựng hoạt động teambuilding, tổ chức đội nhóm.</p>
44	<p><b>7CSN243 - Thiết kế chương trình du lịch – 3TC</b>  Môn học giúp phân tích và đánh giá các loại tour, quy trình thiết kế tour, cải tiến sản phẩm, quản lý hệ thống các nhà cung cấp dịch vụ (supply chain) hiện tại của công ty. Phân tích và đánh giá và nhận định được nguồn khách hiện tại và tiềm năng của công ty. Kỹ năng thiết kế Tour nội địa, nhận khách, gửi khách (inbound, outbound) và kỹ năng đàm phán với các nhà cung ứng du lịch. Kỹ năng phục vụ</p>



	khách tại các điểm đón và tiễn, phục khách trên phương tiện vận chuyển, tại khách sạn, nhà hàng, tại điểm tham quan, mua sắm...
45	<b>7CSN093 - Quản trị quan hệ khách hàng – 3TC</b> Marketing quan hệ được xem là xu hướng marketing của thế kỷ 21. Cùng với xu hướng đó, quản trị quan hệ khách hàng là hoạt động không thể thiếu của các doanh nghiệp. Học phần nghiên cứu bản chất của quan hệ khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng; những nguyên lý và nội dung quản trị quan hệ khách hàng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phân tích tình hình và đưa quyết định về các yếu tố nền tảng cho việc thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ khách hàng; khả năng xây dựng chiến lược và triển khai các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng của một doanh nghiệp.
46	<b>7CSN132 - Kinh doanh du lịch trực tuyến – 2TC</b> Học phần Kinh doanh du lịch trực tuyến cung cấp những kiến thức nền tảng khai thác công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này cũng cung cấp cách tiếp cận hệ thống từ góc độ doanh nghiệp về tư duy cho các nhà quản lý cách thức khai thác công nghệ thông tin một cách hiệu quả, sáng tạo để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh mang tính toàn cầu hiện nay. Nội dung học phần cũng giới thiệu và cho phép sinh viên làm quen với các website và phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực quản lý khách sạn và lữ hành.
47	<b>7KTN196 - Thực tập 3 - 6 TC</b> Chủ động tiếp cận môi trường thực tế (các khách sạn, cơ sở thực tập) để thực hiện các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ cụ thể liên quan tới nghề nghiệp như nhận đặt phòng, làm thủ tục check-in, check-out, xử lý tình huống... ; bày bàn theo thực đơn, kỹ thuật phục vụ đồ ăn kiểu Âu, kiểu Á, nghiệp vụ phục vụ tiệc, nghiệp vụ phục vụ đồ uống, kỹ thuật pha chế cocktail...; một số kỹ thuật cơ bản như làm vệ sinh phòng khách, làm vệ sinh khu vực công cộng, nghiệp vụ giặt là, nắm bắt được việc xây dựng các kế hoạch marketing và các nghiệp vụ bán hàng cơ bản trong khối kinh doanh dịch vụ...
48	<b>7TTN023– Thực tập tốt nghiệp – 4TC</b> Học phần thực tập tốt nghiệp là cơ hội để người học tìm hiểu một cách hoàn chỉnh về hoạt động quản trị dịch vụ lữ hành trong các công ty du lịch/ cơ sở kinh doanh lưu trú, chuẩn bị các kỹ năng cần thiết khi xin việc và duy trì công việc. Người học cũng sẽ được vận dụng và thực hành tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được đào tạo để hoàn thành các công việc được giao tại các cơ sở thực tập.
49	<b>7KTN213 – Quản trị thương hiệu – 3TC</b> Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu ngành, thương hiệu quốc tế cho sản phẩm xuất khẩu.
50	<b>7KTN223 – Khởi sự kinh doanh trong du lịch – 3TC</b>



	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức khởi sự và tạo lập một doanh nghiệp du lịch lữ hành; xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về những quy định và thủ tục thành lập doanh nghiệp; kế hoạch kinh doanh: yêu cầu, nội dung và kết cấu; Những quyết định về địa điểm và các vấn đề marketing. Trang bị kỹ năng vận dụng trong thực tế trong làm việc với tư vấn; khởi sự và tạo lập doanh nghiệp du lịch lữ hành
51	<b>7KLN106– Khoá luận tốt nghiệp – 6TC</b> Học phần này là sự xâu chuỗi, tổng hợp của nhiều lĩnh vực kiến thức mà sinh viên đã được nghiên cứu và học tập. Học phần đề cao tính ứng dụng, tính thực tiễn của sinh viên trong quá trình nghiên cứu, đồng thời cũng yêu cầu nắm bắt được xu hướng và giải quyết các vấn đề đặt ra trong ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

*(Hướng dẫn: Lấy thông tin từ mô tả học phần và chuẩn đầu ra học phần trong đề cương chi tiết; ghi rõ tổng số tín chỉ của học phần, số tín chỉ lý thuyết, thực hành; ví dụ 3(2,1); loại học phần bắt buộc hay tự chọn)*

## **8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:**

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương các trình độ của giáo dục đại học;

Căn Cứ Quyết định số: 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 V/v phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn LL chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về LL chính trị của Bộ GD&ĐT;

### **8.2 Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:**

Chương trình được tổ chức như một hệ thống tín chỉ theo từng kỳ. Quy trình đào tạo và yêu cầu tốt nghiệp được dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Hoà Bình về đào tạo tín chỉ với các nội dung bổ sung sau:

- Kế hoạch đào tạo hàng năm được thiết kế với 2 kỳ/năm. Thời gian đào tạo cho mỗi kỳ là 15 tuần.



- Đào tạo 3 năm đầu theo chương trình cử nhân khối kiến thức lý thuyết và thực hành ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại Trường Đại học Hòa Bình – Hà Nội. Sinh viên đi kiến tập tại cơ sở doanh nghiệp tại các kì hè năm 1, 2, 3.

- Năm cuối (năm thứ 4) vận dụng kiến thức vào chương trình thực tập, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp tại các Doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.

- Sinh viên có thể đăng ký kế hoạch học tập các tín chỉ trong từng điều kiện riêng phù hợp với điều kiện và năng lực bản thân để đảm bảo thực hiện tiến trình đào tạo.

### **8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường**

- Để sinh viên có định hướng hoàn thành tốt chương trình đào tạo, vào đầu mỗi khóa học, lãnh đạo khoa, giảng viên gặp sinh viên hướng dẫn, trao đổi với sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT, điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, nội quy học tập, phương thức đánh giá kết quả học tập từng loại học phần và toàn khóa học.

- Để sinh viên tiếp thu tốt kiến thức, trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa/Nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, từng năm học và toàn khóa học thỏa mãn yêu cầu môn học, học phần tiên quyết, môn học, học phần học trước và học song song. Khoa, Bộ môn thường xuyên trao đổi với giảng viên phụ trách học phần về chuẩn bị bài giảng và dự giờ giảng.

- Khoa và Nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất cho việc thực hiện CTĐT: Trước mỗi học kỳ, khoa có trách nhiệm dự trữ hóa chất, thuốc thử cho chương trình thực tập trong học kỳ, kế hoạch bảo dưỡng, bổ sung trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm trong trường, xây dựng kế hoạch cho sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ sở ngoài trường.

### **8.4. Trách nhiệm của giảng viên/CVHT, sinh viên**

- Đội ngũ cố vấn học tập luôn đi sát nắm bắt tinh thần học tập, khó khăn, nguyện vọng của sinh viên để có hướng giúp đỡ, hỗ trợ sinh viên kịp thời.

- Sinh viên có trách nhiệm thực hiện tốt nội quy, quy chế học tập, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường, của đoàn thể. Khi có khó khăn, sinh viên phản ánh ý kiến qua lớp, qua cố vấn học tập hoặc trực tiếp gặp lãnh đạo khoa, lãnh đạo Nhà trường để giảng viên, khoa, Nhà trường có thể giúp đỡ kịp thời, tạo điều kiện để sinh viên hoàn thành CTĐT đúng tiến độ. *ue*

#### **Nơi nhận:**

- CT HĐT (để báo cáo);
- Các PHT (để chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các Khoa/ Bộ môn (để thực hiện);
- Công TTĐT của Trường (để thông báo);
- Lưu VT, P.ĐTĐH&SDH.

**HIỆU TRƯỞNG**



**NGND.PGS.TS Tô Ngọc Hưng**